Chi tiết mã HS 2939.20.10

Mã HS	2939.20.10
Mô tả hàng hóa	Alkaloit, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp, và các muối, ete, este và các dẫn xuất khác của chúng / - Alkaloit của cây canh-ki-na và dẫn xuất của chúng; muối của chúng: / - - Quinine và các muối của nó
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	04/11/2026 20:42:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29392010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4448
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4448
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4448
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4406
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4367
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4367
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4367
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4367
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4367
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4367
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4405
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4405
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4405

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4405
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4405
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4405
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4409
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4409
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4409
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4409
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4409
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4409
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4409
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4373
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4369
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4369
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4369
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4369
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4369
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4369
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4369
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4369
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4369
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4369
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4369
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4369
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4416
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4416
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4416

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4416
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4416
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4416
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4413
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4413
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4413
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4413
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4413
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4413
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4421
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4421
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4421
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4421
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4421
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4421
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4392
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4392
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4392
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4392
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4392
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4392
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4394
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4394
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4394
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4394
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4394

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4394
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4392
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4392
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4392
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4392
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4392
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4392
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4392
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4413
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4413
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4413
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4413
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4413
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4413
RCEP B	2022	2022	0	B!D4413
RCEP B	2023	2023	0	B!E4413
RCEP B	2024	2024	0	B!F4413
RCEP B	2025	2025	0	B!G4413
RCEP B	2026	2026	0	B!H4413
RCEP B	2027	2027	0	B!I4413
RCEP C	2022	2022	0	C!D4413
RCEP C	2023	2023	0	C!E4413
RCEP C	2024	2024	0	C!F4413
RCEP C	2025	2025	0	C!G4413
RCEP C	2026	2026	0	C!H4413
RCEP C	2027	2027	0	C!I4413

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D4413
RCEP D	2023	2023	0	D!E4413
RCEP D	2024	2024	0	D!F4413
RCEP D	2025	2025	0	D!G4413
RCEP D	2026	2026	0	D!H4413
RCEP D	2027	2027	0	D!I4413
RCEP E	2022	2022	0	E!D4416
RCEP E	2023	2023	0	E!E4416
RCEP E	2024	2024	0	E!F4416
RCEP E	2025	2025	0	E!G4416
RCEP E	2026	2026	0	E!H4416
RCEP E	2027	2027	0	E!I4416
RCEP F	2022	2022	0	F!D4413
RCEP F	2023	2023	0	F!E4413
RCEP F	2024	2024	0	F!F4413
RCEP F	2025	2025	0	F!G4413
RCEP F	2026	2026	0	F!H4413
RCEP F	2027	2027	0	F!I4413
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4061
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4061
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4061
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4061

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2939.20 có 2 dòng thuế; dòng 2939.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Quinine và các muối của nó.	2939.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2939.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2939.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4448), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.